

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2022/DS-ST
Ngày: 07-06-2022.
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản,
Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Dung.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Châu Văn Bình.

Ông Nguyễn Hoa Kiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1960 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp TT B, xã MC, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

* Bị đơn:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

- Anh Đỗ Minh Triều E, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã SB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021, đơn yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L trình bày: Bà có cho chị T mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 22/12/2018 âm lịch (ngày 27/01/2019 dương lịch) mượn 20.000.000 đồng, hạn trả là 03 tháng.

- Ngày 15/5/2019 âm lịch (ngày 17/6/2019 dương lịch) mượn 20.000.000 đồng, hạn trả là 03 tháng.

- Ngày 22/10/2019 âm lịch (ngày 18/11/2019 dương lịch) mượn 30.000.000 đồng, hạn trả là tháng 02/2020.

- Ngày 19/02/2020 âm lịch (ngày 12/03/2020 dương lịch) mượn 30.000.000 đồng, hạn trả là 06 tháng.

- Ngày 22/02/2020 âm lịch (ngày 15/03/2020 dương lịch) mượn 30.000.000 đồng, hạn trả là 04 tháng.

Tổng cộng là 130.000.000 đồng.

Ngoài mượn tiền, chị T còn tham gia 05 dây hụi do bà làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây 1: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/4/2019 âm lịch, gồm 25 phần, mãn ngày 15/4/2021 âm lịch, chị T hốt đầu, dây hụi này chị T còn nợ bà 14 kỳ x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 22/9/2019 âm lịch, 26 phần, mãn ngày 22/10/2021 âm lịch, chị T hốt kỳ 2, dây hụi này chị T còn nợ bà 20 kỳ x 3.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

- Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 22/9/2019 âm lịch, 26 phần, mãn ngày 22/10/2021 âm lịch, chị T hốt kỳ đầu, dây hụi này chị T còn nợ bà 20 kỳ x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Dây 4: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 06/11/2019 âm lịch, 25 phần, mãn ngày 06/11/2021 âm lịch, chị T hốt kỳ đầu, dây hụi này chị T còn nợ bà 20 kỳ x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Dây 5: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 06/11/2019 âm lịch, 25 phần,

mãn ngày 06/11/2021 âm lịch, chị T hốt kỳ 3, đây hụi này chị T còn nợ bà 20 kỳ x 3.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi là 230.000.000 đồng.

Sau đó chị T có trả cho bà 38.000.000 đồng tiền hụi theo biên nhận của anh Triều E cung cấp. Nên hiện nay số tiền hụi chị T còn nợ bà là 192.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà:

1. Số tiền mượn: 130.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 27/01/2019, lãi suất tính từ ngày 27/4/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Đối với số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 17/6/2019, lãi suất tính từ ngày 17/9/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 18/11/2019, lãi suất tính từ ngày 18/02/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 12/03/2020, lãi suất tính từ ngày 12/9/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 15/3/2020, lãi suất tính từ ngày 15/7/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Số tiền hụi: 192.000.000 đồng.

Thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10/01/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, xin rút yêu cầu buộc anh Đỗ Minh Triều E có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà L số tiền nợ hụi 192.000.000 đồng; số tiền mượn 130.000.000 đồng và tiền lãi.

* Theo bản tự khai đề ngày 28/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Minh Triều E trình bày: Anh tên Đỗ Minh Triều E, sinh năm 1981, địa chỉ: 264 ấp TT, xã SB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang là chồng của chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989; địa chỉ: 264 ấp TT, xã SB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Chị T có tên gọi khác là Ngọc. Đối với số tiền chị T mượn và chơi hụi của cô Kim L anh không biết. Anh chỉ biết là sau đó chị T có đưa cho anh

38.000.000 đồng để anh đưa cho cô Loan, còn việc số tiền này trả cho nợ hụi hay nợ vay thì anh không biết.

* Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị T vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Việc bà L khởi kiện yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 192.000.000 đồng; tiền vay 130.000.000 đồng và tiền lãi là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ đối với yêu cầu rút khỏi kiện đối với ông Đỗ Minh Triều E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim L và bị đơn anh Đỗ Minh Triều E có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, anh Triều E và chị T.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Kim L thì bà Loan yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Minh Triều E phải trả cho bà số

tiền vốn vay chưa trả là 130.000.000 đồng và tiền lãi; số tiền nợ hui là 192.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Minh Triều E hiện cư trú tại 264 ấp TT, xã SB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ vay:

Căn cứ vào các biên nhận 22/12/2018 âm lịch, ngày 15/5/2019 âm lịch, ngày 22/02/2020 âm lịch, ngày 19/02/2020 âm lịch và ngày 22/10/2019 âm lịch do nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị Thanh T thể hiện chị T có mượn của bà L số tiền là 130.000.000 đồng. Căn cứ theo các biên nhận mượn tiền và theo bà L trình bày thì các lần mượn tiền trong thời hạn là từ 03 tháng đến 06 tháng, khi đến hạn trả nợ bà L đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng chị T không thực hiện. Do đó, việc chị T mượn tiền của bà L nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc chị T trả số tiền nợ 130.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi:

Theo đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2022, bà Nguyễn Kim L yêu cầu chị T trả tiền lãi đối với khoản tiền 130.000.000 đồng đã mượn với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 27/01/2019, lãi suất tính từ ngày 27/4/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Đối với số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 17/6/2019, lãi suất tính từ ngày 17/9/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 18/11/2019, lãi suất tính từ tháng 18/02/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 12/03/2020, lãi suất tính từ ngày 12/9/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 15/3/2020, lãi suất tính từ ngày 15/7/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Căn cứ Điều 357, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, việc bà L yêu cầu chị T trả lãi là có căn cứ.

+ Tiền lãi đối với số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 27/01/2019, lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 27/4/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 07/6/2022): $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 37 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 6.196.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi đối với số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 17/6/2019, lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 17/9/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 07/6/2022): $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 5.421.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 18/11/2019, lãi suất 0,83%/tháng tính từ tháng 18/02/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 07/6/2022): $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 6.879.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 12/03/2020, lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 12/9/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 07/6/2022): $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 5.186.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi đối với số tiền 30.000.000 đồng mượn ngày 15/3/2020, lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/7/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 07/6/2022): $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 5.659.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi chị T phải trả cho bà L: 29.341.000 đồng.

[2.2] Về số tiền nợ hui:

Theo bà L khai: chị T còn tham gia 05 dây hui do bà làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây 1: Hui 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/4/2019 âm lịch, gồm 25 phần, mãn ngày 15/4/2021 âm lịch, chị T hót đầu, khi hót chị T có làm biên nhận, ký tên và ghi rõ họ tên, dây hui này chị T còn nợ bà 14 kỳ $\times 5.000.000 \text{ đồng} = 70.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây 2: Hui 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 22/9/2019 âm lịch, 26 phần,

mãn ngày 22/10/2021 âm lịch, chị T hót kỳ 2, khi hót chị T có làm biên nhận, ký tên và ghi rõ họ tên, dây hui này chị T còn nợ bà 20 kỳ x 3.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

- Dây 3: Hui 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 22/9/2019 âm lịch, 26 phần, mãn ngày 22/10/2021 âm lịch, chị T hót kỳ đầu, khi hót chị T có làm biên nhận, ký tên và ghi rõ họ tên, dây hui này chị T còn nợ bà 20 kỳ x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Dây 4: Hui 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 06/11/2019 âm lịch, 25 phần, mãn ngày 06/11/2021 âm lịch, chị T hót kỳ đầu, khi hót chị T có làm biên nhận, ký tên và ghi rõ họ tên, dây hui này chị T còn nợ bà 20 kỳ x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Dây 5: Hui 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 06/11/2019 âm lịch, 25 phần, mãn ngày 06/11/2021 âm lịch, chị T hót kỳ 3, khi hót chị T có làm biên nhận, ký tên và ghi rõ họ tên, dây hui này chị T còn nợ bà 20 kỳ x 3.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hui là 230.000.000 đồng.

Sau đó chị T có trả cho bà L 38.000.000 đồng tiền hui theo biên nhận của anh Triều E cung cấp. Nên hiện nay số tiền hui chị T còn nợ bà là 192.000.000 đồng. Theo đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2022, bà Nguyễn Kim L yêu cầu chị T trả số tiền nợ hui là 192.000.000 đồng.

Căn cứ theo biên nhận nhận tiền hui do nguyên đơn cung cấp có thể xác định chị T có tham gia và hót 05 dây hui như nguyên đơn trình bày. Sau khi hót hui đến nay chị T chưa đóng lại tiền hui cho bà L mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu. Do đó việc bà L yêu cầu chị T trả số tiền 192.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2022, bà L khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Minh Triều E có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền nợ hui là 192.000.000 đồng; tiền nợ vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi. Ngày 10/01/2022 nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh Đỗ Minh Triều E có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền nợ hui là 192.000.000 đồng; tiền nợ vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi. Căn cứ theo quy định, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L về việc buộc anh Đỗ Minh

Triều E có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền nợ hụi là 192.000.000 đồng; tiền nợ vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Minh Triều E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 244; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hụi, biên, phường.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim L.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim L số tiền 351.341.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L về việc buộc anh Đỗ Minh Triều E có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền nợ hụi là 192.000.000 đồng; tiền nợ vay là 130.000.000 đồng và tiền lãi.

Hậu quả pháp lý: Bà Nguyễn Kim L được quyền khởi kiện y êu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đỗ Minh Triều E có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền nợ hụi là 192.000.000 đồng; tiền nợ vay là 130.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho bà Nguyễn Kim L số tiền 9.527.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0005170 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 17.567.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Minh Triều E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Dung